

HƯỚNG DẪN TUYỂN SINH DU HỌC SINH NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA KEIMYUNG - NĂM HỌC 2024

* Lịch trình tuyển sinh

phân loại	Nộp hồ sơ	Phỏng vấn	Thông báo kết quả	Đóng học phí		
				Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3
Đợt 1	2023.09.11.(T2)	2023.10.13.(T6)	2023.10.20.(T6)	2023.12.18.(T2)	2023.12.22.(T6)	2024.02.07.(T4)
	2023.10.05.(T5)	2023.10.14.(T7)				
Đợt 2	2023.11.10.(T6)	2023.12.02.(T7)	2023.12.08.(T6)	2023.12.21.(T5)	2024.01.02.(T3)	2024.02.13.(T3)
	2023.11.24.(T6)					
Đợt 3	2024.01.03.(T4) ~ 2024.01.15.(T2)	2024.01.19.(T6)	2024.01.26.(T6)	2024.02.07.(T3) ~ 2024.02.13.(T2)		
Đợt 4	Thông báo sau	Không tiến hành	Thông báo riêng	Thông báo riêng		
비고	※ Mọi thắc mắc liên hệ: 복지관 1층 국제처 유학생지원팀 hoặc qua email (ofofamer@kmcu.ac.kr) ※ Tất cả sinh viên trong nước và ngoài nước phải nộp hồ sơ bản gốc → Chi tiết hồ sơ tham khảo phần tuyển sinh ※ Sinh viên ở nước ngoài thì nộp hồ sơ đợt 1 và đợt 2 ※ Nếu người nộp hồ sơ đang sống ở nước ngoài thì có thể phỏng vấn qua điện thoại hoặc video call ※ Nếu không tham gia phỏng vấn thì sẽ xem như trượt kết quả					

* Các khoa - chuyên ngành chiêu sinh

phân loại	Khoa (ngành)		phân loại	Khoa (ngành)	
Khối phúc lợi y tế	Khoa y tá (4 năm)		công nghệ thông minh	Khoa kiến trúc nội thất	
	Khoa hành chính y tế (3 năm)			Khoa cơ khí	
	Khoa trị liệu ngôn ngữ (3 năm)			Khoa kỹ thuật số	
	Khoa cứu trợ cấp cứu (3 năm)			Khoa an toàn phòng cháy và môi trường	
				Khoa thiết bị y tế	
			Khoa máy tính		
	Khoa phục hồi chức năng (3 năm)		thực phẩm dinh dưỡng	Khoa chế biến thực phẩm dinh dưỡng◎	Ngành dinh dưỡng thực phẩm
					Ngành dinh dưỡng thức ăn nhanh ★
Khoa vật lý trị liệu (3 năm) ★		Khoa kinh doanh nhà hàng ★			
Khoa răng hàm mặt ★		Khoa bánh ngọt – bánh mì			
		Khoa đầu bếp			
Khối thiết kế	Khoa thiết kế ◎	Ngành thiết kế công nghiệp	Khối nghệ thuật thể thao	Khoa biểu diễn âm nhạc ◎	Ngành nhạc kịch
		Ngành thiết kế hình xăm			Ngành biểu diễn âm nhạc
	Khoa thiết kế thị giác			Khoa thể dục đời sống ◎	Ngành thể dục đời sống
					Ngành trị liệu chấn thương thể thao ★
	Khoa video – animation ◎	Ngành video	Khối dịch vụ phúc lợi con người và xã hội	Khoa biểu diễn thị phạm Taekwondo	
		Ngành animation		Khoa SNS marketing	
	Khoa webtoon			Khoa hành chính cảnh sát	
	Khoa thiết kế thời trang – shopping mall			Khoa tư vấn phúc lợi xã hội	
Khoa chăm sóc – trồng hoa		Khoa giáo dục mầm non (hệ 3 năm)			
Khối y tế động vật	Khoa y tế động vật nuôi			Khoa văn hóa tiếng Hàn	
	Khoa chăm sóc thú cưng			Khoa dịch vụ du lịch hàng không	
Khối làm đẹp	Khoa nhãn hàng thương hiệu – Ngành Ohmoosun beauty			Khoa kinh doanh dịch vụ nước ngoài	
	Khoa thiết kế móng nghệ thuật				
	Khoa trang điểm		Khoa dịch vụ du lịch khách sạn		
	Khoa chăm sóc da và sắc đẹp		Khoa thông tin kế toán		
	Khoa thiết kế tóc				

HƯỚNG DẪN VỀ HỌC PHÍ VÀ HỌC BỔNG

* Học phí của trường 계명문화대학교 (trường hợp đóng 100%)

- Học phí : Tiêu chuẩn: học kỳ 1 năm 2023
 - Khối xã hội nhân văn : 2,560,000원
 - Khối kỹ thuật, tự nhiên, nghệ thuật : 3,118,000원
- Học phí có thể thay đổi tùy theo các trường hợp khác nhau của trường.

* Hướng dẫn về học phí và học bổng

- Học phí và ưu đãi học bổng

Mới nhập học		Trong quá trình đang học	
điều kiện	mức giảm	điều kiện	mức giảm
TOPIK level 2	20%	TOPIK level 2 và điểm trung bình các môn trên 2	20%
TOPIK level 3	40%	TOPIK level 3 và điểm trung bình các môn trên 2.5	30%
TOPIK level 4	50%	TOPIK level 4 và trung bình các môn trên 2.5	50%
TOPIK level 5	70%	TOPIK level 5 và trung bình các môn trên 2.5	70%
TOPIK level 6	80%	TOPIK level 6 và trung bình các môn trên 2.5	100%

* Học phí và ưu đãi học bổng (Phí hội học sinh 69,000won đóng riêng)

(tiêu chuẩn của năm 2023)

Mới nhập học		Ưu đãi học bổng			
điều kiện	điều kiện	[Khối xã hội nhân văn]		[Khối kỹ thuật, tự nhiên, nghệ thuật]	
		Học bổng	Tiền học phí phải đóng	Học bổng	Tiền học phí phải đóng
TOPIK level 2	20%	512,000	2,048,000	623,600	2,494,400
TOPIK level 3	30%(Trong quá trình đang học)	768,000	1,792,000	935,400	2,182,600
	40%(Mới nhập học)	1,024,000	1,536,000	1,247,200	1,870,800
TOPIK level 4	50%	1,280,000	1,280,000	1,559,000	1,559,000
TOPIK level 5	70%	1,792,000	768,000	2,182,600	935,400
TOPIK level 6	80%	2,048,000	512,000	2,494,400	623,600

* Tiền trợ cấp sinh hoạt – Học sinh ngoại quốc trường 계명문화대학교

- Học sinh năm 1: Mới nhập học - **1,000,000w** Trợ cấp 1 lần
- Học sinh năm 2: Đang trong quá trình học - **500,000w** Trợ cấp 1 lần

* Học bổng giới thiệu bạn

- Mới nhập học : Trợ cấp tiền học bổng nếu nhập học cùng bạn (Du học sinh)
- Trong khi đang theo học tại trường : cấp tiền học bổng nếu giới thiệu bạn ở trường khác nhập học
- Giới thiệu một người: Trợ cấp 300,000w, 2 người 600,000w, 3 người 900,000w (bao gồm thuế)

* Học bổng cho sinh viên đạt Topik 4

- Trong khi đang theo học tại trường, nếu đạt Topik 4 thì sẽ nhận học bổng **1 lần 500,000w**
- Với những sinh viên có Topik 4 trước khi nhập học, thì sau khi nhập học thì Topik lại và có được Topik 4 trở lên thì sẽ được nhận học bổng **1 lần 500,000w**

* Học bổng dành cho sinh viên quốc gia thu nhập thấp

- Giảm toàn bộ học phí và phí nhập học cho sinh viên có đủ điều kiện bên dưới:
 - Sinh viên có quốc tịch quốc gia có thu nhập GNI từ hạng 120 trở xuống
 - Sinh viên được đề xuất từ cơ quan nhà nước hoặc chính phủ
 - Có Topik 3 trở lên
 - Chi tiết tên quốc gia tham khảo ở văn phòng hợp tác quốc tế

HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÍ VÀ NỘP HỒ SƠ TUYỂN SINH TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA KEIMYUNG - NĂM HỌC 2024

※ Hồ sơ chuẩn bị

STT	Hồ sơ	ngoài nước	trong nước	Tham khảo
1	Hộ chiếu, ảnh thẻ (JPG, GIF)	●	●	
2	Giấy chứng minh tài chính 18 nghìn USD trở lên (khoảng 21 triệu won trở lên)	●	●	Bản gốc (trong vòng 1 tháng)
3	Bảng tốt nghiệp cao nhất + học bạ	●	●	Dịch công chứng (tiếng Anh hoặc tiếng Hàn)
4	Giấy đảm bảo tài chính (chứng nhận thu nhập của người bảo hộ)	●	-	Dịch công chứng (tiếng Anh hoặc tiếng Hàn)
5	Sổ hộ khẩu (giấy chứng tử, giấy li hôn, kết hôn - nếu có)	●	●	Dịch công chứng (tiếng Anh hoặc tiếng Hàn)
6	Giấy chứng minh thư của người bảo hộ (hoặc hộ chiếu)	●	-	
7	Giấy khai sinh	●	●	Dịch công chứng (tiếng Anh hoặc tiếng Hàn)
8	TOPIK level 2 hoặc level 3	●	●	Topik cấp 3 trở lên, chỉ duy nhất khoa cơ khí cấp 2 trở lên
9	Hàn ngữ học당 관련 서류(재학, 성적&출석, 수료증 등)	-	●	Điểm danh trên 70%
10	Giấy đăng ký nhập học, giấy giới thiệu bản thân (tiếng Hàn hoặc tiếng Anh)	●	●	Mẫu đơn của trường
11	Phí đổi visa 130.000won	-	●	
12	Giấy hợp đồng nhà	-	●	khu vực Daegu

- ※ Nếu hồ sơ bản gốc không phải tiếng Hàn hoặc tiếng Anh thì bắt buộc phải dịch công chứng
 - Bản dịch công chứng chỉ được công nhận hợp pháp trong vòng 3 tháng
- ※ Hồ sơ có thể thay đổi nếu như có yêu cầu của cục xuất nhập cảnh hoặc Đại sứ quán Hàn Quốc
- ※ Sinh viên nộp hồ sơ bản scan (PDF) thì phải scan file và lưu file theo từng tên hạng mục hồ sơ
 - 예시 : 잔고증명(학생성명).pdf, 최종학력(학생성명).pdf, 보호자수입증명(학생성명).pdf 등

Liên hệ

- ♣ Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ phòng hợp tác quốc tế
- ☎ 담당자 1) 053-589-7941 (KAKAO TALK ID : kmcu7941)
- ☎ 담당자 2) 053-589-7942 (e-mail : chaebin1016@naver.com)
- ☎ 담당자 3) 053-589-7796 (KAKAO TALK ID : minhtam0311)
- ☎ 담당자 4) 053-589-7359 (KAKAO TALK ID : Trangmilo2305)
- ♣ Địa chỉ
대구광역시 달서대로 675,
계명문화대학교 복지관 1층 국제처 유학생지원팀(42601)
(675 Dalseo-daero, Dalseo-gu, Daegu, 42601, KOREA)
- ♣ Link web trường : www.kmcu.ac.kr
- ♣ Link văn phòng hợp tác quốc tế : www.kmcu.ac.kr/global/
- ♣ Cách đến trường:
Tàu điện ngầm : tàu số 2, ga Keimyung, cổng số 7
Xe bus : 급행1, 급행7, 달서1, 성서1, 425, 405, 523, 7250

약도



TUYỂN SINH DU HỌC SINH NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA KEIMYUNG NĂM 2024

문화로 세상의 빛이 되는

KEIMYUNG COLLEGE UNIVERSITY SINCE 1962

